

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chính
Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như, là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hữu Văn C, Sinh năm 1994. Nơi sinh: huyện B, tỉnh Cà Mau. Nơi ĐKKHKT: Ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Cà Mau. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ học vấn: lớp 5/12. Con ông Hữu Thạch, con bà: Hữu T. Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2000. Vợ: Danh Thị Ánh Nam, có 01 người con sinh năm 2020. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hữu Văn C: Bà Quách N, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

Bị hại: Anh Trần Thanh N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hữu T, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/5/2020, tại nhà ông Trần Văn T ở ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau tổ chức nhậu (uống bia), có anh Trần Thanh N, anh Cường, anh Linh, anh Đầu tham gia. Đến khoảng 15 giờ, Hữu Văn C (là bạn của T) điều khiển xe mô tô biển số 69AC- 041.34 đến tìm T và tham gia nhậu cùng mọi người. Anh N đã say rượu nên lên võng nằm ngủ. Cường, Linh, Đầu cũng đi về. Lúc này, C thấy anh N đã say và có đeo sợi dây chuyền vàng nên nảy sinh ý định lấy trộm dây chuyền của anh . C tiếp tục nhậu cùng T để tìm cơ hội lấy dây chuyền của anh N. Do có công việc nên T nghỉ nhậu cùng mẹ đi ra ngoài. C đến nằm võng gần anh N. Lúc này nhà T chỉ có anh N và C. Thấy anh N đã ngủ say, C lén lút mở móc khóa và lấy được sợi dây chuyền của anh N. C điều khiển xe mang sợi dây chuyền vừa trộm của anh N đi đến tiệm vàng "Năm Đoàn" ở xã T do ông Dương Văn Đoàn làm chủ bán được số tiền 12.600.000 đồng. C cho mẹ ruột là Hữu T 2.000.000 đồng, số tiền còn lại C tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận giá trị tài sản: 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 24K, trọng lượng 2,8 chỉ, tại thời điểm ngày 30/5/2020 trị giá 12.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Hữu Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hữu Văn C từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Hữu T đã nộp khắc phục cho anh N số tiền 12.600.000 đồng. Anh N đã nhận tiền và không yêu cầu về dân sự. Đối với số tiền đã khắc phục cho anh N, bà Hữu T không yêu cầu C phải hoàn trả nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 2,8 chỉ do C đã bán nên không thu hồi được, bà Hữu T đã nộp khắc phục cho anh N số tiền 12.600.000 đồng. Anh N đã nhận tiền và không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Đối với phương tiện mô tô biển số 69AC-041.34 là của bà Hữu T, cho C mượn làm phương tiện đi lại. Việc C sử dụng xe làm phương tiện để đi bán tài sản trộm của anh N ngày 30/5/2020, bà Hữu T không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thới Bình không tạm giữ xe là phù hợp.

Đối với bà Hữu T có nhận 2.000.000 của C, khi nhận bà Hữu T không biết tiền do C bán sợi dây chuyền trộm cắp của anh N mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Thới Bình không xử lý bà Hữu T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo yêu cầu xem xét các tình tiết bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phải nuôi vợ và con nhỏ, bị cáo là một trong những người lao động trong gia đình, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lao động, chăm sóc cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Hữu Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ ngày 30/5/2020, Hữu Văn C đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản và đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Thanh N 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 24K, trọng lượng 2,8 chỉ, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Tài sản được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thới Bình kết luận về giá tại thời điểm ngày 30/5/2020 là 12.600.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho cá nhân nhưng không phải bỏ ra bằng công sức lao động chân chính; bị cáo lợi dụng vào sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu và đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm

cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm. Lỗi khi thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục bồi thường cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hữu T đã nộp khắc phục cho anh N số tiền 12.600.000 đồng. Anh N đã nhận tiền và không yêu cầu về dân sự. Đối với số tiền đã khắc phục cho anh N, bà Hữu T không yêu cầu C phải hoàn trả nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 2,8 chỉ C trộm của anh N. C đã bán không thu hồi được, các đương sự đã thỏa thuận nhận lại giá trị tài sản và không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Đối với phương tiện mô tô biển số 69AC-041.34 là của bà Hữu T, cho C mượn làm phương tiện đi lại. Việc C sử dụng xe làm phương tiện để đi bán tài sản trộm của anh N ngày 30/5/2020, bà Hữu T không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thới Bình không tạm giữ xe là phù hợp.

[8] Đối với bà Hữu T có nhận 2.000.000 đồng của C, khi nhận bà Hữu T không biết tiền do C bán sợi dây chuyền trộm cắp của anh N mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thới Bình không xử lý bà Hữu T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định.

[9] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173, b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hữu Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Hữu Văn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Hữu Văn C phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Công an huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi